

Bản án số: 105/2018/HS-ST

Ngày 31 tháng 10 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V H, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mùi Văn Huân và ông Tráng A Lừ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh Sơn La.

- Đại Diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VH tham gia phiên tòa: Ông Trần C Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Hàng A D, sinh năm 1978, tại M C, Hòa Bình.

Nơi cư trú: Xóm P C C, xã P C, huyện M C, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hàng A L và bà Thảo Thị S(Đều đã chết); Bị cáo có vợ là Mùa Y S và 03 con;

Nhân thân: Ngày 22/7/2013 UBND huyện M C, tỉnh Hòa Bình ra Quyết định cưỡng chế đi cai nghiện bắt buộc thời gian 12 tháng;

Tiền án: không;

Bị bắt, tạm giữ ngày 22 tháng 4 năm 2018 đến nay. Có mặt.

2. Bùi Văn C, sinh năm 1989, tại L S, Hòa Bình.

Nơi cư trú: Xóm V G, xã Nh Ng, huyện L S, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12 ; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn Th (Đã chết) và bà Bùi Thị T; Bị cáo chưa có vợ con;

Nhân thân:

+ Ngày 19/11/2009 và ngày 02/12/2011 UBND huyện L S, tỉnh Hòa Bình ra Quyết định cưỡng chế đi cai nghiện bắt buộc;

+ Ngày 19/9/2013 Tòa án nhân dân huyện L S, tỉnh Hòa Bình xử phạt 30

tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, phải chịu 200.000 đồng án phí HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và nộp án phí.

Bị bắt, tạm giữ ngày 22 tháng 4 năm 2018 đến nay. Có mặt.

3. Bùi Văn Ch, sinh năm 1992, tại L S, Hòa Bình.

Nơi cư trú: Xóm B R, xã M Th, huyện L S, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12 ; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn S và bà Bùi Thị S; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giữ ngày 22 tháng 4 năm 2018 đến nay. Có mặt.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Mùa Y S, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm P C C, xã P C, huyện M C, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

+ Anh Bùi Văn D, sinh năm 1995, địa chỉ: Xóm T Ph, xã Nh Ng, huyện L S, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

+ Bà Bùi Thị Nh, sinh năm 1963, địa chỉ: Xóm T Ph, xã Nh Ng, huyện L S, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- *Người phiên dịch:* Ông Tráng A Chur, sinh năm 1987; địa chỉ: thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 06 giờ 20 phút, ngày 22/4/2018, tại bản C Ch, xã L L, huyện VH, tỉnh Sơn La. Tổ C tác C an huyện VH phối hợp với Tổ C tác số 1, Phương án 279 dừng xe máy BKS 28N1 – 117.52 do Bùi Văn Ch điều khiển, chở phía sau Bùi Văn C, phát hiện Bùi Văn C cất giấu trong người 01 gói bên ngoài quấn bằng băng dính màu đen, tiếp đến là lớp nilon màu hồng, bên trong có một gói nilon màu đỏ đựng chất bột và cục màu hồng nghi là ma túy tổng hợp và 02 gói nilon màu trắng đều chứa chất bột màu trắng nghi là Heroine. Bùi Văn C và Bùi Văn Ch khai nhận đó là gói ma túy đã mua của Hàng A D để sử dụng và bán kiếm lời. Cơ quan điều tra đã lập biên bản thu giữ vật chứng, tạm giữ của Bùi Văn C 01 chiếc điện thoại D động nhãn hiệu Mobell và 50.000 đồng; tạm giữ của Bùi Văn Ch 01 điện thoại D động nhãn hiệu Masstel, 01 xe máy BKS 28N1 – 117.52, đồng thời dẫn giải C và Ch về Cơ quan cảnh sát điều tra C an huyện VH để điều tra, xử lý.

Theo lời khai của Bùi Văn C và Bùi Văn Ch, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét và bắt giữ khẩn cấp đối với Hàng A D, thu giữ: 01 gói nilon màu hồng bên trong đựng chất bột màu trắng nghi là Heroine, 01 cân tiểu ly có chữ Sông Y Cha, 01 chiếc điện thoại D động nhãn hiệu Nokia 1280.

Ngày 22/4/2018, Tại Cơ quan điều tra tiến hành cân tịnh đã xác định như sau:

+ Số chất bột và cục màu hồng trong gói nilon màu đỏ thu của Bùi Văn C, Bùi Văn Ch có khối lượng 2,04 gam, lấy 0,17 gam làm mẫu giám định ký hiệu CC.

+ Số chất bột màu trắng trong gói nilon màu trắng thứ nhất có khối lượng 4,9 gam, lấy 0,07 gam làm mẫu giám định, ký hiệu CC2.

+ Số chất bột màu trắng trong gói nilon màu trắng thứ hai có khối lượng 3,04 gam, lấy 0,07 gam làm mẫu giám định, ký hiệu CC4.

+ Số chất bột màu trắng trong gói nilon màu đỏ thu giữ của Hàng A D có khối lượng 0,36 gam, lấy 0,07 gam làm mẫu giám định, ký hiệu D.

Kết luận giám định số 535/KLMT ngày 26/4/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự C an tỉnh Sơn La, kết luận: *"Mẫu gửi giám định ký hiệu CC là chất ma túy; Loại chất Methamphetamine; Tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,17 gam; Mẫu CC2, CC4, D đều là chất ma túy, Loại Heroine, tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,21 gam. Tổng khối lượng của chất ma túy thu giữ được là 2,04 gam, loại Methamphetamine và 8,3 gam loại Heroine"*

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận đều nghiện ma túy: C và Ch là bạn nghiện, C quen biết D do cùng đi cai nghiện tại Hòa Bình. Khoảng từ năm 2017 đến 2018, Bùi Văn C đã nhiều lần lên nhà Hàng A D mua ma túy để sử dụng, cụ thể:

+ Lần thứ nhất: Khoảng tháng 12/2017 gần dịp tết truyền thống của dân tộc Mông, Bùi Văn C đã đi đến nhà hỏi mua thì được Hàng A D bán cho 01 gói Heroine với giá 50.000 đồng về sử dụng.

+ Lần thứ hai: Khoảng tháng 02/2018 C lại đến nhà hỏi mua thì được Hàng A D bán cho 01 gói Heroine với giá 700.000 đồng về sử dụng.

+ Lần thứ ba: Ngày 20/4/2018 tại xã Hang Kia, huyện M C, tỉnh Hòa Bình, Hàng A D mua được 25 viên Hồng phiến của một người phụ nữ dân tộc Mông không biết tên, địa chỉ với giá 560.000 đồng, gói trong mảnh nilon màu đỏ, mang về cất ở gầm bàn uống nước. Khoảng 06 giờ ngày 21/4/2018 D lấy 05 viên gói vào mảnh nilon màu xanh đem theo đi làm nương để sử dụng. Số còn lại cất vào chỗ cũ sử dụng dần và bán lại kiếm lời.

Khoảng 11 giờ ngày 21/4/2018 C đến nhà trọ của Ch ở Xóm Á, xã V Ng, huyện L S, tỉnh Hòa Bình rủ Ch đi mua ma túy về sử dụng và bán kiếm lời, Ch đồng ý. Ch mượn xe máy BKS 28N1 – 117.52 của Bùi Văn D chở C đến nhà Hàng A D mua ma túy. Khi đến nhà D, Ch và C gặp Mùa Y S, là vợ D ở nhà. S nói D không ở nhà. C bảo Ch ở lại nhà D, còn C đi ra đường dân sinh gặp và hỏi mua được của một người phụ nữ dân tộc Mông, khoảng 40 tuổi, không quen biết được 07 viên Hồng phiến với giá 200.000 đồng. C nhặt mảnh nilon màu đen ở ven đường gói 05 viên mang về nhà D cùng Ch sử dụng hết. Còn lại 02 viên C gói lại cất vào túi quần.

Khoảng 17 giờ cùng ngày, D đi làm nương về. C và Ch bàn nhau góp tiền mua Heroine và Hồng phiến của D, nhưng D không có Heroine. Ch đưa góp cho C 2.000.000 đồng, C góp 2.500.000 đồng, tổng cộng 4.500.000 đồng. C đưa tiền nhờ D mua hộ 3.500.000 đồng Heroine và 800.000 đồng Hồng phiến, còn 200.000 đồng trả C cho D và một ít Heroine khi D mua về cho C và Ch. D có sẵn 20 viên Hồng

phiến đủ bán cho C, nên D đưa cho Mùa Y S 1.000.000 đồng rồi cầm 3.500.000 đồng đi mua Heroine.

D đến khu vực bản L X, xã L L, huyện VH, tỉnh Sơn La gặp và hỏi mua được của một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết, khoảng 60 tuổi 01 gói Heroine gói trong mảnh nylon màu trắng với giá 3.300.000 đồng. Còn lại 200.000 đồng, D tự ý mua riêng cho mình 100.000 đồng Heroine để sử dụng và mua 50.000 đồng nước ngọt.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, D mang ma túy về nhà, lấy thêm 20 viên Hồng phiến cất giấu ở gầm bàn uống nước, đặt lên bàn, gọi C lên đưa ma túy. C đến nhìn thấy ma túy, C cất gói Hồng phiến vào túi quần rồi gọi Ch lên. C mở gói Heroine lấy một ít cho vào mảnh nylon màu hồng trả C cho D, đồng thời lấy một ít Heroine đưa cho Ch để cùng sử dụng. Số Heroine còn lại, C chia ra hai gói nylon màu trắng, sau đó nói gói to là của C, nhỏ là của Ch. C nhặt mảnh nylon màu hồng Dới gầm bàn, gói hai gói Heroine và gói Hồng phiến lại, quấn lại bằng băng dính màu đen, cất vào túi quần đang mặc. Hai viên Hồng phiến còn lại mua ở đường dân sinh, C trộn với số Heroine vừa lấy ra cùng Ch sử dụng, rồi ngủ lại nhà D.

Khoảng 06 giờ sáng hôm sau, C xin D 50.000 đồng đồ xăng xe và cùng Ch quay về. Đến khu vực bản C Ch, xã L L thì bị phát hiện bắt giữ. Tại nhà D, khi đang chuẩn bị sử dụng gói Heroine mà C trả C thì bị Cơ quan điều tra khám xét, thu giữ.

Khi bị bắt, Bùi Văn C và Hàng A D khai nhận: C đến nhà D, gặp và hỏi mua được một người phụ nữ dân tộc Mông 05 viên Hồng phiến rồi cùng Ch sử dụng hết. D khai khi C đến nhà, S có gọi điện báo D biết việc C đến và đang lên cơn nghiện. D bảo S lấy Hồng phiến ở Dưới gầm bàn bán cho C. Còn S khai nhận, chiều 21/4/2018 khi đang chuẩn bị đi kiểm tra bò thì C và Ch đến nhà, S liền gọi điện báo D về. Đến chiều tối, S về đến sân thì gặp D và được D đưa cho 1.000.000 đồng, nhưng không nói tiền do đâu mà có. Qua đấu tranh, khai thác, đối chất, Hàng A D thừa nhận ban đầu do sợ tội, nên đã khai Mùa Y S đã bán gói Hồng phiến cho C. Bùi Văn C và Bùi Văn Ch cũng khẳng định Mùa Y S không phải người phụ nữ đã bán ma túy cho C.

Cơ quan điều tra xác minh chiếc xe máy BKS 28N1 – 117.52 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Bùi Thị Nh (mẹ đẻ Bùi Văn D). Bùi Văn Ch mượn xe nói đi thăm người ốm, không nói việc dùng xe đi mua ma túy cho bà Nh và D biết.

Mùa Y S không biết, không liên quan đến việc phạm tội của Hàng A D, Bùi Văn C, Bùi Văn Ch. Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý.

Bùi Văn C, Bùi Văn Ch sử dụng ma túy tại nhà Hàng A D, nhưng Hàng A D không biết, không đồng ý cho C và Ch sử dụng nên không đặt vấn đề xử lý D về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Cáo trạng số 77/CT – VKS ngày 10/10/2018 của VKSND huyện VH, truy tố Hàng A D về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b, p khoản 2 điều 251 BLHS, truy tố Bùi Văn C, Bùi Văn Ch về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 điều 251 BLHS. Tại phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem

xét: Tuyên bố Hàng A D, Bùi Văn C, Bùi Văn Ch phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

* Áp dụng điểm b, p khoản 2 điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 17, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Hàng A D từ 09 đến 10 năm tù.

* Áp dụng điểm p khoản 2 điều 251, điểm s khoản 1 điều 51, điều 17, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ Bùi Văn C từ 08 đến 09 năm tù.

+ Bùi Văn Ch từ 07 đến 08 năm tù.

* Không phạt bổ sung đối với các bị cáo; áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu để tiêu huỷ: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 1,87 gam chất bột và cục màu hồng (Methamphetamine) và 8,09 gam chất bột màu trắng (Heroine) cùng vỏ gói niêm phong ban đầu; 03 phong bì bên trong đựng que thử ma túy đối với Hàng A D, Bùi Văn C, Bùi Văn Ch; 01 cân tiểu ly đã qua sử dụng.

+ Tạm giữ để đảm bảo thi hành án phí: 01 chiếc điện thoại D động nhãn hiệu Mobell bên trong có 02 sim Viettel của Bùi Văn C; 01 điện thoại D động Nokia bên trong có 01 sim viettel của Hàng A D; 01 điện thoại D động nhãn hiệu Masstel bên trong có 02 sim Viettel của Bùi Văn Ch.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước 50.000 đồng của Bùi Văn C.

+ Trả lại bà Bùi Thị Nh chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Sirius màu trắng vàng đen BKS 28N1 – 117.52, số máy 5C6K – 135363, số khung RLCS5C6KODY135483 đã qua sử dụng.

- Không truy thu số tiền 1.000.000 đồng Hàng A D đã đưa cho Mùa Y S và không đặt vấn đề trách nhiệm hình sự với Hàng A D về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

- Các bị cáo phải chịu án phí HSST 200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 22/4/2018 Tại Bản C Ch, xã L L, huyện VH, tỉnh Sơn La, Bùi Văn C và Bùi Văn Ch bị phát hiện bắt quả tang tàng trữ 2,04 gam Methamphetamine và 8,3 gam Heroine. Bùi Văn C và Bùi Văn Ch khai nhận đã mua số ma túy trên của Hàng A D với giá 4.500.000 đồng, mục đích mang về sử dụng và bán lại kiếm lời.

Hành vi bán ma túy thu lợi bất chính của Hàng A D và hành vi mua ma túy mục đích bán lại kiếm lời của Bùi Văn C và Bùi Văn Ch, đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo Hàng A D nhiều lần bán ma túy kiếm lời, bị cáo Bùi Văn C và Bùi Văn Ch tàng trữ mục đích sử dụng và bán lại kiếm lời 02 loại ma túy. Căn cứ Điều 4, Nghị định 19/2018/NĐ – CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ thì Tổng khối lượng của hai chất ma túy là 8,3 gam Heroine + 2,04 gam Methamphetamine = 10,34 gam (tương đương khối lượng ma túy quy định tại điểm i khoản 2 điều 251 BLHS). Do đó, các bị cáo đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Hàng A D phạm tội căn cứ vào các điểm b, p khoản 2 điều 251; Bùi Văn C và Bùi Văn Ch

phạm tội theo điểm p khoản 2 điều 251 BLHS. HĐXX xét thấy, việc khởi tố, truy tố của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Tính chất hành vi và vai trò của các bị cáo: Các bị cáo nghiện ma túy, hám lợi và đều phạm tội rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, gây lây lan tệ nạn ma túy và mất trật tự địa phương. Hàng A D, Bùi Văn C có nhân thân xấu, đã bị bắt buộc cai nghiện. Bùi Văn Ch chuẩn bị phương tiện, tích cực thực hiện tội phạm. Do vậy, các bị cáo đều có vai trò quan trọng trong vụ án. Cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc với hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, nên đều được xem xét cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Bùi Văn C và Bùi Văn Ch tích cực hợp tác với cơ quan điều tra khai báo phát hiện tội phạm, nên được áp dụng thêm điểm t khoản 1 điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[4] *Về phạt bổ sung:* Xét thấy các bị cáo Hàng A D, Bùi Văn C và Bùi Văn Ch đều có mục đích bán trái phép chất ma túy mục đích kiếm lời, nhưng đều nghiện ma túy, không có tài sản có giá trị, không có khả năng thi hành, nên không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Số tiền thu lời bất chính, bị cáo Hàng A D đã sử dụng cá nhân (50.000 đồng mua nước ngọt và 100.000 đồng mua Heroine), đưa cho vợ là Mùa Y S 1.000.000 đồng chi tiêu sinh hoạt gia đình, tổng cộng là 1.150.000 đồng, nhưng S không biết là tiền do phạm tội mà có, nên HĐXX xét thấy không truy thu số tiền do phạm tội mà có là phù hợp.

[5] *Vật chứng của vụ án:*

+ 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 1,87 gam chất bột và cục màu hồng (Methamphetamine) và 8,09 gam chất bột màu trắng (Heroine) cùng vỏ gói niêm phong ban đầu; 03 phong bì bên trong đựng que thử ma túy đối với Hàng A D, Bùi Văn C, Bùi Văn Ch; 01 cân tiểu ly đã qua sử dụng là những vật bị cấm lưu hành hoặc không có giá trị sử dụng, cần tuyên tịch thu để tiêu hủy.

+ 01 chiếc điện thoại D động nhãn hiệu Mobell bên trong có 02 sim Viettel của Bùi Văn C; 01 điện thoại D động Nokia bên trong có 01 sim Viettel của Hàng A D; 01 điện thoại D động nhãn hiệu Masstel bên trong có 02 sim Viettel của Bùi Văn Ch không liên quan đến tội phạm, không tịch thu nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án phí.

+ **Số tiền 50.000 đồng của Bùi Văn C mà bị cáo Hàng A D đưa cho mua xăng, là tiền do phạm tội mà có, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.**

+ Chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Sirius màu trắng vàng đen BKS 28N1 – 117.52, số máy 5C6K – 135363, số khung RLCS5C6KODY135483 đã qua sử dụng mà các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Bùi Thị Nh. Do bị cáo Bùi Văn Ch mượn của Bùi Văn D, con trai bà Bùi Thị Nh. Khi mượn, Bùi Văn Ch nói đi thăm người ốm, không nói việc đi mua

ma túy. Bà Nh và anh D không biết và không liên quan đến việc phạm tội của C và Ch. Cần tuyên trả lại bà Bùi Thị Nh quản lý, sử dụng.

Bà Bùi Thị Nh không yêu cầu các bị cáo Bùi Văn C và Bùi Văn Ch phải bồi thường, không đặt vấn đề xem xét.

[6] *Về nguồn gốc chất ma túy*: Hàng A D khai đã mua số Heroine của một người đàn ông dân tộc Mông khoảng 60 tuổi, không biết tên, địa chỉ ở bản Lũng Xá. Số Hồng phiến đã mua của một người phụ nữ dân tộc Mông không quen biết khoảng 40 tuổi tại khu vực xã Hang Kia, huyện M C, tỉnh Hòa Bình để bán cho C và Ch. Bùi Văn C khai mua được 07 viên Hồng phiến, đã sử dụng hết của một người phụ nữ dân tộc Mông, khoảng 40 tuổi không biết tên địa chỉ. Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, xử lý những người bán ma túy. Do vậy, Hàng A D phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán trái phép 2,04 gam Methamphetamine và 8,3 gam Heroine cho Bùi Văn C và Bùi Văn Ch. Bùi Văn C và Bùi Văn Ch mua và tàng trữ mục đích sử dụng và bán kiếm lời 2,04 gam Methamphetamine và 8,3 gam Heroine phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán trái phép chất ma túy tương ứng.

Bùi Văn C, Bùi Văn Ch sử dụng ma túy tại nhà Hàng A D, nhưng Hàng A D không biết, không đồng ý cho C và Ch sử dụng. Do vậy, chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã không đặt vấn đề trách nhiệm hình sự với Hàng A D về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Các bị cáo Hàng A D, Bùi Văn C, Bùi Văn Ch phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hàng A D, Bùi Văn C, Bùi Văn Ch phạm tội: **Mua bán trái phép chất ma túy.**

1 - Áp dụng điểm b, p khoản 2 điều 251, điểm s khoản 1 điều 51 BLHS, xử phạt: Hàng A D 09 (Chín) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/4/2018.

Không phạt bổ sung, không truy thu số tiền 1.150.000 đồng do Hàng A D phạm tội mà có.

2 - Áp dụng điểm p khoản 2 điều 251, điểm s,t khoản 1 điều 51, điều 17, 58 BLHS, xử phạt:

+ Bùi Văn C 08 (Tám) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/4/2018.

+ Bùi Văn Ch 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/4/2018.

Không áp dụng phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. **Về vật chứng: Áp dụng các điểm b, c khoản 1, khoản 2 điều 47 BLHS, điểm a,b,c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:**

+ Tịch thu để tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 1,87 gam chất bột và cục màu hồng (Methamphetamine) và 8,09 gam chất bột màu trắng (Heroine) cùng vỏ gói niêm phong ban đầu; 03 phong bì bên trong đựng que thử

ma túy đối với Hàng A D, Bùi Văn C, Bùi Văn Ch; 01 cân tiểu ly đã qua sử dụng.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước: **Số tiền 50.000 đồng** của Bùi Văn C.

+ Tạm giữ 01 chiếc điện thoại D động nhãn hiệu Mobell bên trong có 02 sim Viettel của Bùi Văn C; 01 điện thoại D động Nokia bên trong có 01 sim Viettel của Hàng A D; 01 điện thoại D động nhãn hiệu Masstel bên trong có 02 sim Viettel của Bùi Văn Ch **để đảm bảo thi hành án phí.**

+ Trả lại 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Sirius màu trắng vàng đen BKS 28N1 – 117.52, số máy 5C6K – 135363, số khung RLCS5C6KODY135483 đã qua sử dụng cho bà Bùi Thị Nh quản lý, sử dụng.

Toàn bộ Vật chứng theo biên bản giao vật chứng số: 04/BBVC và Biên lai thu tiền số 0000790 ngày 16/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VH.

+ **Chấp nhận việc Cơ quan điều tra C an huyện VH không đặt vấn đề xử lý Hàng A D về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.**

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điểm a khoản 1 điều 23 **Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.**

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có QLNVLQ có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có QLNVLQ vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAT
- VKS tỉnh, huyện
- CA huyện, CQ THAHS
- Sơ TP
- Trại Giam
- Bị cáo
- Người có QLNVLQ
- Lưu HS.
- Lưu VP

Nguyễn Đăng Quang

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa

Hội thẩm nhân dân

Tráng A Lư

Nguyễn Đăng Quang

Mùi Văn Huân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người Dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền C tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi Dẫn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ C khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người Dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật

lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại Diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại Diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại Diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi C tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân C tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người Dối 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi C tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan C tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức,

cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)